

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 32

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 01 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, tầng 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN ("HĐTV")

Các thành viên Hội đồng thành viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Hyun DongSik	Chủ tịch HĐTV	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2024
Ông Yun Hang Jin	Chủ tịch HĐTV	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2024
	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2020
Ông Park ChangKue	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Kim Wook	Thành viên HĐTV	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024
Ông Yang Bong Jin	Thành viên HĐTV	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông An Chang Mo	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Yun Hang Jin	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2024
Ông Huỳnh Tuấn Khánh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Trần Thùy Trang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11541913/68433548-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Thị Hằng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.232.439.712	75.810.567.368
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	49.311.406.422	44.690.960.672
111	1. Tiền		27.740.600.575	43.134.545.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.570.805.847	1.556.414.930
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	10.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		10.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.500.376.107	28.182.007.876
132	1. Trả trước cho người bán		32.823.000	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	19.252.884.292	28.140.650.302
135	3. Các khoản phải thu khác	8	214.668.815	41.357.574
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		4.420.657.183	2.937.598.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.326.168.778	789.110.415
158	2. Phải thu ngắn hạn khác	10	2.094.488.405	2.148.488.405
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.579.103.160	2.809.698.356
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.049.344.208	19.350.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	2.049.344.208	19.350.000
220	II. Tài sản cố định		976.432.502	1.144.249.179
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	826.348.928	1.106.611.427
222	Nguyên giá		3.533.857.121	3.533.857.121
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.707.508.193)	(2.427.245.694)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	37.637.752
228	Nguyên giá		267.082.000	267.082.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(267.082.000)	(229.444.248)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	150.083.574	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.553.326.450	1.646.099.177
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.553.326.450	1.646.099.177
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		87.811.542.872	78.620.265.724
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		16.146.107.025	17.827.641.068
310	I. Nợ ngắn hạn		16.146.107.025	17.827.641.068
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.584.895.427	2.705.009.665
315	2. Phải trả người lao động	15	12.035.972.423	13.057.042.228
316	3. Chi phí phải trả	16	2.156.389.175	2.065.589.175
328	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	368.850.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		71.665.435.847	60.792.624.656
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	55.000.000.000	55.000.000.000
420	2. Lãi chưa phân phối		16.665.435.847	5.792.624.656
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		87.811.542.872	78.620.265.724

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)
005	I. Ngoại tệ các loại		24.691,53	-
	- USD		24.691,53	-
030	II. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	19	493.613.114.742	308.619.032.767
031	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		4.813.031.025	40.572.823.262
032	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		488.800.083.717	268.046.209.505
040	III. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	20	20.769.379.522.937	20.601.857.787.781
041	1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		259.326.492.017	205.920.878.213
042	2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		20.510.053.030.920	20.395.936.909.568
050	IV. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	21	737.460.000	-
051	V. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	22	797.486.961	8.954.882.147

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu	23	55.460.522.935	39.764.280.120
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		55.460.522.935	39.764.280.120
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	24	(19.839.797.251)	(14.039.416.367)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		35.620.725.684	25.724.863.753
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	874.251.227	856.628.788
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	26	(588.620.419)	(92.416.125)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(22.625.107.005)	(18.793.791.791)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.281.249.487	7.695.284.625
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.281.249.487	7.695.284.625
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(2.408.438.296)	(1.043.780.052)
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.872.811.191	6.651.504.573

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thủy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thủy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		64.124.619.111	27.462.072.696
02	2. Tiền chi từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		(15.820.776.904)	(11.298.184.692)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.710.765.291)	(18.208.192.219)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	14	(3.957.548.734)	(5.881.415)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		870.437.625	657.764.751
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(9.998.361.425)	(11.077.196.666)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		14.507.604.382	(12.469.617.545)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(150.083.574)	(47.153.700)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		259.025.472	725.643.352
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(9.891.058.102)	678.489.652
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.616.546.280	(11.791.127.893)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	44.690.960.672	45.290.710.189
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.899.470	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	49.311.406.422	33.499.582.296

Người lập

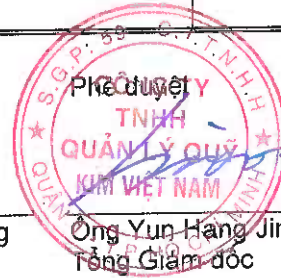


Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.289.145.484)	5.792.624.656	6.651.504.573	-	10.872.811.191	-	2.362.359.089	16.665.435.847
TỔNG CỘNG		50.710.854.516	60.792.624.656	6.651.504.573	-	10.872.811.191	-	57.362.359.089	71.665.435.847

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 1 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, Lầu 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 55.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 55.000.000.000 đồng).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 36 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 33 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 4 năm
Vật kiến trúc	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí chuyển nhượng thẻ hội viên.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.8 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Lợi ích của nhân viên

4.10.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

4.10.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.10.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận vào tài khoản vốn góp theo giá gốc.

4.14 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư dài hạn khác, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	26.331.273.165	42.380.108.835
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	759.984.261	751.070.142
- Ngân hàng Busan - Chi nhánh TP.HCM	22.931.631	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.370.142	3.366.765
Tiền gửi không kỳ hạn bằng USD		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	623.041.376	-
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND (*)		
- Ngân hàng Busan - Chi nhánh TP.HCM	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.570.805.847	1.556.414.930
	49.311.406.422	44.690.960.672

(*) Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và lãi suất từ 1,80%/năm đến 2,80%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền gửi trên 3 tháng		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (*)	10.000.000.000	-
	10.000.000.000	-

(*) Tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 3,90%/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu hoạt động Quản lý Danh mục Đầu tư Chứng khoán	18.499.721.970	27.739.573.368
- Tokio Marine Asset Management Co., Ltd	10.701.612.505	9.986.762.972
- Korea Investment Management Co., Ltd	5.776.242.984	17.752.810.396
- Lemanik Asset Management S.A. - Sicav	1.267.601.462	-
- Công ty TNHH Covestcons	630.504.720	-
- Nguyễn Thị Kim Quế	123.760.299	-
Phải thu hoạt động Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán	753.162.322	401.076.934
- Quỹ ETF KIM Growth VN30	548.661.758	253.607.428
- Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	168.642.865	147.469.506
- Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND	35.857.699	-
	19.252.884.292	28.140.650.302

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi dự thu	214.668.815	1.663.019
Phải thu khác	-	39.694.555
	214.668.815	41.357.574

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.1 2.326.168.778	789.110.415
Chi phí trả trước dài hạn	9.2 1.553.326.450	1.646.099.177
	3.879.495.228	2.435.209.592

9.1 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.905.120.407	118.275.719
Chi phí mua bảo hiểm	257.322.105	349.654.876
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	163.726.266	321.179.820
	2.326.168.778	789.110.415

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

9.1 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Số đầu kỳ	789.110.415	342.546.761
Tăng trong kỳ	6.729.359.241	4.545.121.579
Phân bổ trong kỳ	(5.192.300.878)	(4.690.408.667)
Số cuối kỳ	2.326.168.778	197.259.673

9.2 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Chi phí thẻ hội viên	1.349.239.110	1.440.199.050
Thiết bị có giá trị nhỏ	204.087.340	205.900.127
	1.553.326.450	1.646.099.177

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Số đầu kỳ	1.646.099.177	2.114.316.962
Tăng trong kỳ	103.198.875	15.490.000
Phân bổ trong kỳ	(195.971.602)	(249.103.352)
Số cuối kỳ	1.553.326.450	1.880.703.610

10. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phải thu ngắn hạn khác		
Đặt cọc thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài	269.368.000	323.368.000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.825.120.405	1.825.120.405
	2.094.488.405	2.148.488.405
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.034.194.208	-
Đặt cọc dài hạn khác	15.150.000	19.350.000
	2.049.344.208	19.350.000
	4.143.832.613	2.167.838.405

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Vật kiến trúc</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.690.554.000	1.843.303.121	3.533.857.121
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.690.554.000	1.843.303.121	3.533.857.121
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	672.755.815	1.754.489.879	2.427.245.694
Khấu hao trong kỳ	191.449.257	88.813.242	280.262.499
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	864.205.072	1.843.303.121	2.707.508.193
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.017.798.185	88.813.242	1.106.611.427
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	826.348.928	-	826.348.928

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.061.868.121 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 996.109.121 VND).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	267.082.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	267.082.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	229.444.248
Hao mòn trong kỳ	37.637.752
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	267.082.000
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	37.637.752
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 267.082.000 VND.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí cải tạo văn phòng tại tòa nhà The Mett theo Hợp đồng số 10/2024/HDT/KP-KIMVN ngày 15/05/2024.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	565.522.302	8.457.705.846	(8.028.709.646)	994.518.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.139.487.363	2.408.438.296	(3.957.548.734)	590.376.925
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	2.705.009.665	10.869.144.142	(11.989.258.380)	1.584.895.427

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Trích trước lương, thưởng cho nhân viên	12.035.972.423	13.057.042.228

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phần mềm	1.070.000.000	900.000.000
Chi phí dịch vụ chuyên môn	868.800.000	1.046.520.640
Chi phí thuê xe	75.000.000	75.000.000
Chi phí phải trả khác	142.589.175	44.068.535
	2.156.389.175	2.065.589.175

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho Công ty Korea Investment Real Asset Management Co., Ltd.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<i>Theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	
	<i>Vốn điều lệ (VND)</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp (VND)</i>	<i>Vốn điều lệ chưa góp (VND)</i>
Korea Investment Co., Ltd	55.000.000.000	100%	55.000.000.000	-

19. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Số dư tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)</i>
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	488.800.083.717	268.046.209.505
KIM Vietnam Growth Equity Fund	171.896.868.139	32.581.148.952
Tokio Marine Asset Management Co., Ltd	141.567.985.644	82.453.774.460
KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	55.227.311.315	134.145.274.596
Korea Investment Management Co., Ltd	46.882.551.847	-
Lemanik Asset Management S.A.	31.889.582.876	-
KITMC Vietnam Growth Fund	24.130.721.868	7.702.878.676
KITMC Worldwide China Vietnam Fund	17.205.062.028	10.067.076.345
KIM Vietnam IPO Balanced Fund	-	1.096.056.476
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	4.813.031.025	40.572.823.262
Công ty TNHH Covestcons	4.643.453.099	33.270.930.576
Nguyễn Thị Kim Quế	169.577.926	7.301.892.686
	493.613.114.742	308.619.032.767

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)
Cổ phiếu niêm yết	20.769.379.522.937	20.601.857.787.781
- Nhà đầu tư nước ngoài	20.510.053.030.920	20.395.936.909.568
- Nhà đầu tư trong nước	259.326.492.017	205.920.878.213
Trong đó, cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro:	10.467.295.716.952	10.192.335.513.727
CTG	1.493.996.037.011	1.230.601.395.943
VCB	1.005.142.771.994	-
HCM	932.144.551.018	-
ACB	818.500.175.989	-
BID	733.658.942.792	-
QNS	695.410.417.938	-
STB	683.378.603.371	1.129.195.093.825
SSI	561.713.476.202	1.255.289.852.619
PVD	462.613.854.986	-
MBB	450.163.629.711	658.538.753.345
MSN	405.020.309.990	136.135.357.476
CTD	380.653.974.974	-
VNM	334.293.060.358	1.276.925.763.202
PVS	329.004.336.090	129.748.507.363
HAH	221.314.640.013	-
VCI	220.067.274.249	-
BMP	187.601.177.369	149.637.872.768
PTB	161.981.370.618	-
DHC	97.759.295.044	247.631.264.708
HSG	88.011.881.278	-
VPB	83.667.660.000	-
PC1	36.726.060.001	-
VRE	35.222.285.000	106.024.623.861
PLX	29.960.755.010	-
SAB	13.017.669.793	206.812.063.541
KSB	3.254.508.531	2.614.508.531
TMS	3.016.997.622	8.078.969.957
MWG	-	734.101.798.983
NLG	-	580.063.951.733
VHM	-	392.345.124.253
GAS	-	388.392.867.952
VIC	-	325.767.235.330
DCM	-	305.135.106.163
DXG	-	251.367.864.437
TCB	-	215.404.005.141
DXS	-	109.541.055.556
LHG	-	64.143.634.331
HDG	-	61.341.415.895
ANV	-	58.409.335.062
GDT	-	47.665.913.804
REE	-	47.473.986.572
VHC	-	30.668.448.738
SIP	-	13.143.310.320
TNG	-	9.839.356.554
TNH	-	7.947.721.959
BWE	-	4.141.605.499
SCS	-	3.912.884.369
DPM	-	2.668.374.426
VIB	-	924.713.861
POW	-	701.775.650

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

21. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)
Công ty TNHH Covestcons	737.460.000	-
	737.460.000	-

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (Trình bày lại)
Công ty TNHH Covestcons	638.808.851	7.237.613.173
Nguyễn Thị Kim Quế	158.678.110	1.717.268.974
	797.486.961	8.954.882.147

23. DOANH THU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	49.851.357.937	37.614.369.047
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	3.273.114.998	1.175.279.573
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	2.336.050.000	974.631.500
	55.460.522.935	39.764.280.120

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	17.057.385.944	11.640.810.036
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.782.411.307	2.398.606.331
	19.839.797.251	14.039.416.367

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Thu lãi tiền gửi	472.031.268	718.465.186
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	402.219.959	138.163.602
	874.251.227	856.628.788

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	394.325.223	92.416.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	194.295.196	-
	588.620.419	92.416.125

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
Chi phí lương nhân viên	9.619.920.481	6.601.648.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.478.217.096	3.288.833.985
Thù lao Hội đồng Thành viên	4.435.368.347	4.320.498.939
Chi phí thuê văn phòng	1.460.096.326	1.400.675.657
Chi phí thuê xe	522.473.544	650.879.481
Chi phí thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài	919.272.306	934.432.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.900.251	548.128.456
Thuế, phí và lệ phí	376.473.279	122.168.179
Chi phí khác	495.385.375	926.526.274
	22.625.107.005	18.793.791.791

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.281.249.487	7.695.284.625
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.656.249.897	1.539.056.925
Khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	97.519.928	87.240.507
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá khoản mục có gốc ngoại tệ	38.859.039	-
- Doanh thu tính thuế trong kỳ	-	168.670.784
Khoản điều chỉnh giảm		
- Doanh thu không tính thuế trong kỳ	(346.327.390)	-
- Chi phí trích trước	(37.863.178)	(751.188.165)
Chi phí thuế TNDN ước tính	2.408.438.296	1.043.780.052

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	25.851.601.411	21.727.437.004
Công ty Korea Investment Real Asset Management Co., Ltd	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	2.336.050.000	-
Quỹ ETF KIM VN Growth VN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	2.153.731.854	950.443.095
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	983.874.829	224.836.478
QUỸ ETF KIM Growth VN Diamond	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	135.508.315	-

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng 12
			năm 2024 VND	năm 2023 VND
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	5.776.242.984	17.752.810.396
Công ty Korea Investment Real Asset Management Co., Ltd	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu chưa thực hiện	368.850.000	-
Quỹ ETF KIM VN GrowthVN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	548.661.758	253.607.428
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	168.642.865	147.469.506
QUỸ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	35.857.699	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Bên liên quan	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị	4.435.368.347	4.320.498.939
Ban Giám đốc	1.191.318.148	932.439.578

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê xe, thuê nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Đến 1 năm	10.637.369.403	7.176.415.713
Từ 1 đến 5 năm	34.628.510.178	65.231.000
Trên 5 năm	52.334.743.062	-
	97.600.622.643	7.241.646.713

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

31.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

31.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày tại *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

31.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.740.600.575	21.570.805.847	-	-	49.311.406.422
Đầu tư ngắn hạn	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Trả trước cho người bán	-	32.823.000	-	-	32.823.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	19.252.884.292	-	-	19.252.884.292
Phải thu ngắn hạn khác	-	31.956.486	182.712.329	-	214.668.815
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.094.488.405	-	-	2.094.488.405
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	2.049.344.208	2.049.344.208
	27.740.600.575	42.982.958.030	10.182.712.329	2.049.344.208	82.955.615.142
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	2.156.389.175	-	-	2.156.389.175
Doanh thu chưa thực hiện	-	368.850.000	-	-	368.850.000
	-	2.525.239.175	-	-	2.525.239.175
Trạng thái thanh khoản ròng	27.740.600.575	40.457.718.855	10.182.712.329	2.049.344.208	80.430.375.967

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền
Phải thu hoạt động nghiệp vụ
Phải thu ngắn hạn khác
Phải thu dài hạn khác

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
	43.134.545.742	1.556.414.930	-	-	44.690.960.672
	-	28.140.650.302	-	-	28.140.650.302
	41.357.574	1.892.120.405	256.368.000	-	2.189.845.979
	-	-	-	19.350.000	19.350.000
	43.175.903.316	31.589.185.637	256.368.000	19.350.000	75.040.806.953
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	2.065.589.175	-	-	2.065.589.175
	-	2.065.589.175	-	-	2.065.589.175
Trạng thái thanh khoản ròng	43.175.903.316	29.523.596.462	256.368.000	19.350.000	72.975.217.778

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền (a)	49.311.406.422	44.690.960.672	49.311.406.422	44.690.960.672
Đầu tư ngắn hạn (a)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Trả trước cho người bán	32.823.000	-	(b)	(b)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	19.252.884.292	28.140.650.302	(b)	(b)
Phải thu ngắn hạn khác	214.668.815	41.357.574	(b)	(b)
Tài sản ngắn hạn khác	2.094.488.405	2.148.488.405	(b)	(b)
Tài sản dài hạn khác	2.049.344.208	19.350.000	(b)	(b)
	82.955.615.142	75.040.806.953		
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	2.156.389.175	2.065.589.175	(b)	(b)
Doanh thu chưa thực hiện	368.850.000	-		
	2.525.239.175	2.065.589.175		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(a) Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền được ước lượng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

(b) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

33. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh một số khoản mục trong chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng đến Các chỉ tiêu ngoại Bảng cân đối kế toán giữa niên độ:

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (đã trình bày)	Điều chỉnh VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND (trình bày lại)
030	II. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	310.522.295.352	(1.903.262.585)	308.619.032.767
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	42.476.085.847	(1.903.262.585)	40.572.823.262
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	268.046.209.505	-	268.046.209.505
040	III. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	25.350.834.425.750	(4.748.976.637.969)	20.601.857.787.781
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.094.960.203.600	(889.039.325.387)	205.920.878.213
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	24.255.874.222.150	(3.859.937.312.582)	20.395.936.909.568
050	IV. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	204.250.000	(204.250.000)	-
051	V. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	10.298.166.662	(1.343.284.515)	8.954.882.147

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập

Người kiểm soát

Phê duyệt



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Ông Yun-Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024